



Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018



Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 31

Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103006366 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 4 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm, thức ăn chăn nuôi, bánh kẹo, công nghiệp dệt, sơn và mỹ phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô K4B, Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, Đường số 4, Xã Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các Chi nhánh tại Thành phố Hà Nội, Tỉnh Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Cần Thơ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch
Ông Phan Duy Hiếu	Thành viên
Ông Huỳnh Thanh Lâm	Thành viên
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Lương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc	Thành viên
Ông Lars Kjaer	Thành viên
Ông Christopher E. Freund	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Ngọc Sang	Trưởng ban
Bà Võ Thị Xuyên	Thành viên
Bà Nguyễn Khánh Vân	Thành viên
Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hua The Duc	Tổng Giám đốc bổ nhiệm ngày 5 tháng 2 năm 2018.
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Tổng Giám đốc từ nhiệm ngày 5 tháng 2 năm 2018. Giám đốc cấp cao phụ trách Kiểm soát nội bộ và Kho vận bổ nhiệm ngày 5 tháng 2 năm 2018
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Giám đốc Chuỗi cung ứng
Ông Nguyễn Bá Lương	Giám đốc Khối Quản lý Nhà cung cấp & Phát triển Kinh doanh
Ông Phan Duy Hiếu	Giám đốc Khối Thương mại 1
Bà Nguyễn Thị Thạch Trúc	Giám đốc Khối Thương mại 2 và Giám đốc Khối Phát triển Kinh doanh, Giám đốc Khối Thương mại 2 từ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2018
Ông Huỳnh Thanh Lâm	Giám đốc Khối Thương mại 3
Ông Đặng Xuân Vinh	Giám đốc Khối Vận hành
Ông Hoàng Văn Minh	Giám đốc Phát triển Tổ chức và Nguồn nhân lực
Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc	Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Lan Anh
Ông Hua The Duc

từ nhiệm ngày 5 tháng 2 năm 2018
bổ nhiệm ngày 5 tháng 2 năm 2018

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 14 tháng 8 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



Thay mặt Ban Điều hành:

Hứa Thế Đức
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

Số tham chiếu: 60958455/20266623/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Building a better
working world

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và báo cáo soát xét chúng tôi đề ngày 14 tháng 8 năm 2018 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam



Ernest Young Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1891-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.423.051.923.496	1.131.004.058.310
110	I. Tiền	4	23.794.724.449	15.751.137.309
111	1. Tiền		23.794.724.449	15.751.137.309
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		549.800.000.000	389.878.774.600
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	549.800.000.000	389.878.774.600
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		389.011.086.378	324.530.483.327
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	350.264.546.281	306.792.250.336
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	22.117.343.831	3.440.212.621
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	17.667.476.158	15.336.300.262
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(1.038.279.892)	(1.038.279.892)
140	IV. Hàng tồn kho	8	456.397.270.580	398.790.059.730
141	1. Hàng tồn kho		456.908.467.878	399.301.257.028
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(511.197.298)	(511.197.298)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.048.842.089	2.053.603.344
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.500.425.430	1.584.764.652
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.900.480.117	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	647.936.542	468.838.692
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		263.108.433.396	238.405.089.911
210	I. Phải thu dài hạn		2.196.368.786	2.336.462.786
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	2.196.368.786	2.336.462.786
220	II. Tài sản cố định		47.427.417.780	38.850.473.839
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	44.016.073.076	35.190.903.039
222	Nguyên giá		72.091.386.028	59.148.310.721
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(28.075.312.952)	(23.957.407.682)
227	2. Tài sản vô hình	11	3.411.344.704	3.659.570.800
228	Nguyên giá		4.342.550.474	4.342.550.474
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(931.205.770)	(682.979.674)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	12	163.889.571.000	146.153.571.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		163.889.571.000	146.153.571.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		49.595.075.830	51.064.582.286
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	49.408.628.830	50.878.135.286
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.3	186.447.000	186.447.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.686.160.356.892	1.369.409.148.221

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		550.555.178.091	333.633.578.298
310	I. Nợ ngắn hạn		549.622.943.091	332.701.343.298
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	210.776.585.183	189.309.420.011
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	689.768.110	532.033.355
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	15.950.171.661	10.926.397.834
314	4. Phải trả người lao động		36.688.770	35.961.169
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	15.135.664.696	38.165.890.506
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		5.964.489.138	4.097.599.358
320	7. Vay ngắn hạn	16	268.902.903.308	56.089.832.532
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		32.166.672.225	33.544.208.533
330	II. Nợ dài hạn		932.235.000	932.235.000
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn		932.235.000	932.235.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.135.605.178.801	1.035.775.569.923
410	I. Vốn chủ sở hữu	17.1	1.135.605.178.801	1.035.775.569.923
411	1. Vốn cổ phần		246.799.000.000	246.799.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		246.799.000.000	246.799.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		30.551.150.000	30.551.150.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(476.173.125)	(476.173.125)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		101.010.534.807	101.010.534.807
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		757.720.667.119	657.891.058.241
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		657.891.058.241	480.093.397.150
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		99.829.608.878	177.797.661.091
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.686.160.356.892	1.369.409.148.221

Võ Thị Xuyên
Người lập

Nguyễn Thị Ánh Ngọc
Kế toán trưởng



Hua Thế Đức
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
01	1. Doanh thu bán hàng	18.1	1.139.108.468.492	1.014.515.776.480
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(3.430.872.985)	(3.672.712.988)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	18.1	1.135.677.595.507	1.010.843.063.492
11	4. Giá vốn hàng bán	22	(935.764.822.240)	(826.938.894.029)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		199.912.773.267	183.904.169.463
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	17.365.370.829	12.658.092.684
22	7. Chi phí tài chính	19	(4.727.173.338)	(1.769.624.850)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(3.226.525.362)	(1.154.041.740)
25	8. Chi phí bán hàng	20	(35.788.318.030)	(27.999.023.767)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(51.645.384.732)	(46.782.835.902)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		125.117.267.996	120.010.777.628
31	11. Thu nhập khác	21	48.928.585	698.127.213
32	12. Chi phí khác	21	(2.549.249)	-
40	13. Lợi nhuận khác	21	46.379.336	698.127.213
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		125.163.647.332	120.708.904.841
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.2	(25.334.038.454)	(24.529.839.234)
60	16. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		99.829.608.878	96.179.065.607



Võ Thị Xuyên
Người lập



Nguyễn Thị Ánh Ngọc
Kế toán trưởng



Hứa Thị Đức
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

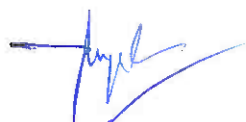
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận kế toán trước thuế		125.163.647.332	120.708.904.841
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	3.764.863.990	3.447.195.076
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(16.377.837.907)	(10.886.499.359)
06	Chi phí lãi vay	19	3.226.525.362	1.154.041.740
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		115.777.198.777	114.423.642.298
09	Tăng các khoản phải thu		(63.139.070.759)	(169.032.138.819)
10	Tăng hàng tồn kho		(57.607.210.850)	(130.779.302.283)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(11.238.923.796)	64.975.366.183
12	Giảm chi phí trả trước		1.553.845.678	634.244.318
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.643.049.233)	(990.896.409)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(17.428.202.434)	(17.377.143.655)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(748.000.000)	(712.006.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh		(35.473.412.617)	(138.858.234.367)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(12.470.152.688)	(4.572.472.728)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		9.090.909	481.818.182
23	Tiền chi các khoản đầu tư ngắn hạn		(156.008.704.910)	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		-	33.100.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con		(17.736.000.000)	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		16.909.695.670	12.607.164.791
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(169.296.071.019)	41.616.510.245
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	16	417.650.580.345	134.020.927.500
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	16	(204.837.509.569)	(118.875.272.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		212.813.070.776	15.145.655.000



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

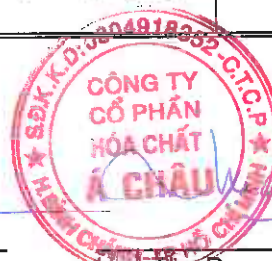
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		8.043.587.140	(82.096.069.122)
60	Tiền đầu kỳ		15.751.137.309	133.408.095.675
70	Tiền cuối kỳ	4	23.794.724.449	51.312.026.553



Võ Thị Xuyên
Người lập



Nguyễn Thị Ánh Ngọc
Kế toán trưởng



Hứa Thế Đức
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103006366 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 4 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm, thức ăn chăn nuôi, bánh kẹo, công nghiệp dệt, sơn và mỹ phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô K4B Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, Đường số 4, Xã Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các Chi nhánh tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Cần Thơ.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 179 (31 tháng 12 năm 2017: 167).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (hàng hóa) với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v..) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình khi Công ty nắm giữ đất này để sử dụng trong sản xuất, kinh doanh cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê và Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng không thời hạn thì không khấu hao.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	5 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Chánh vào ngày 11 tháng 3 năm 2010 trong thời hạn 38 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Tiền mặt	1.388.992.855	1.480.281.464
Tiền gửi ngân hàng	<u>22.405.731.594</u>	<u>14.270.855.845</u>
TỔNG CỘNG	<u>23.794.724.449</u>	<u>15.751.137.309</u>

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ sáu (6) đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 6,5%/năm đến 7,8%/năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu từ bên khác	322.051.640.967	300.385.609.605
- Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	100.262.582.141	110.742.198.720
- Các khách hàng khác	221.789.058.826	189.643.410.885
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	<u>28.212.905.314</u>	<u>6.406.640.731</u>
TỔNG CỘNG	<u>350.264.546.281</u>	<u>306.792.250.336</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(1.038.279.892)</u>	<u>(1.038.279.892)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>349.226.266.389</u>	<u>305.753.970.444</u>

Như được trình bày tại Thuyết minh số 16, Công ty đã dùng một phần khoản phải thu khách hàng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Công ty.

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Trả trước cho bên khác	16.136.093.831	3.440.212.621
- Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh Á Châu	8.310.280.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	5.240.400.000	-
- Các khách hàng khác	2.585.413.831	3.440.212.621
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	<u>5.981.250.000</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>22.117.343.831</u>	<u>3.440.212.621</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngắn hạn		
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.111.749.819	8.641.058.333
Tạm ứng cho nhân viên	4.971.915.696	4.600.597.949
Ký quỹ, ký cược	4.532.569.565	2.067.638.969
Khác	51.241.078	27.005.011
TỔNG CỘNG	<u>17.667.476.158</u>	<u>15.336.300.262</u>
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	2.196.368.786	2.336.462.786

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Hàng hóa	317.721.861.618	268.375.628.169
Hàng mua đang đi trên đường	139.186.606.260	130.925.628.859
TỔNG CỘNG	<u>456.908.467.878</u>	<u>399.301.257.028</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(511.197.298)	(511.197.298)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>456.397.270.580</u>	<u>398.790.059.730</u>

Như được trình bày tại Thuyết minh số 16, Công ty đã dùng một phần hàng tồn kho làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Công ty.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngắn hạn		
Chi phí thuê văn phòng	294.364.500	81.900.000
Khác	1.206.060.930	1.502.864.652
TỔNG CỘNG	<u>1.500.425.430</u>	<u>1.584.764.652</u>
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	46.209.248.433	47.073.540.087
Thiết bị và chi phí cải tạo văn phòng	2.273.124.719	2.618.668.378
Khác	926.255.678	1.185.926.821
TỔNG CỘNG	<u>49.408.628.830</u>	<u>50.878.135.286</u>

Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	19.382.152.113	1.926.454.335	32.193.847.880	5.645.856.393	59.148.310.721
Mua trong kỳ	1.237.855.274	4.957.337.746	1.348.110.909	5.439.680.468	12.982.984.397
Thanh lý	-	-	(39.909.090)	-	(39.909.090)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	20.620.007.387	6.883.792.081	33.502.049.699	11.085.536.861	72.091.386.028
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	195.435.703	5.931.975.790	156.672.757	6.284.084.250
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	(3.653.999.542)	(675.600.412)	(16.692.367.740)	(2.935.439.988)	(23.957.407.682)
Khấu hao trong kỳ (*)	(891.107.964)	(200.474.680)	(2.283.966.182)	(770.625.376)	(4.146.174.202)
Thanh lý	-	-	28.268.932	-	28.268.932
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	(4.545.107.506)	(876.075.092)	(18.948.064.990)	(3.706.065.364)	(28.075.312.952)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	15.728.152.571	1.250.853.923	15.501.480.140	2.710.416.405	35.190.903.039
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	16.074.899.881	6.007.716.989	14.553.984.709	7.379.471.497	44.016.073.076

(*) Chi phí khấu hao trong kỳ của tài sản cố định hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi là 629.536.308 VND.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 16, Công ty đã dùng nhà xưởng, vật kiến trúc với giá trị còn lại là 4.973.524.716 VND để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm Quyền sử dụng đất</i>		<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>2.467.720.000</u>	<u>1.874.830.474</u>	<u>4.342.550.474</u>
và ngày 30 tháng 6 năm 2018			
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>(682.979.674)</u>	-	<u>(682.979.674)</u>
Hao mòn trong kỳ	<u>(248.226.096)</u>	-	<u>(248.226.096)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>(931.205.770)</u>	-	<u>(931.205.770)</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>1.784.740.326</u>	<u>1.874.830.474</u>	<u>3.659.570.800</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>1.536.514.230</u>	<u>1.874.830.474</u>	<u>3.411.344.704</u>

Như được trình bày tại Thuyết minh số 16, Công ty đã dùng quyền sử dụng đất với giá trị là 570.000.000 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Công ty.



Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Chi tiết đầu tư vào các công ty con như sau:

Công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)		
Công ty Cổ phần Sản xuất Hương liệu Ech Vàng	51,60	95.255.571.000	51,60	95.255.571.000	Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Sản xuất hương liệu các loại
Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu	99,84	52.653.000.000	96,84	50.898.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp
Asia Chemical Corporation Pte. Ltd.	100	15.981.000.000	-	-	Singapore	Hoạt động tư vấn doanh nghiệp và quản lý; kinh doanh buôn bán chung (bao gồm xuất nhập khẩu chung)
TỔNG CỘNG		163.889.571.000		146.153.571.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải trả cho các bên khác	190.853.678.033	169.165.488.311
- Open Country Dairy Limited	34.293.676.007	-
- DSM Nutritional Products Asia Pacific Pte. Ltd.	33.247.894.358	41.289.631.930
- CP KELCO	22.073.749.090	26.988.027.290
- Phải trả các nhà cung cấp khác	101.238.358.578	100.887.829.091
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	19.922.907.150	20.143.931.700
TỔNG CỘNG	<u>210.776.585.183</u>	<u>189.309.420.011</u>

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Các bên khác trả tiền trước	689.768.110	532.033.355

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2018
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.737.452.005	25.334.038.454	(17.428.202.434)	13.643.288.025
Thuế thu nhập cá nhân	3.137.960.852	13.972.139.621	(14.847.569.587)	2.262.530.886
Thuế giá trị gia tăng	2.050.984.977	10.128.122.868	(12.134.755.095)	44.352.750
Thuế môn bài	-	8.000.000	(8.000.000)	-
Thuế nhà thầu	-	2.765.322	(2.765.322)	-
TỔNG CỘNG	<u>10.926.397.834</u>	<u>49.445.066.265</u>	<u>(44.421.292.438)</u>	<u>15.950.171.661</u>
Phải thu				
Thuế nhập khẩu	(468.838.692)	35.902.056.917	(36.081.154.767)	(647.936.542)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Lương mềm và lương tháng 13	7.971.747.822	37.183.830.333
Hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi, môi giới	5.850.578.614	445.810.305
Lãi vay	716.476.487	133.000.358
Khác	596.861.773	403.249.510
TỔNG CỘNG	<u>15.135.664.696</u>	<u>38.165.890.506</u>

Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

16. VAY NGẮN HẠN

Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2018
Vay ngân hàng	56.089.832.532	417.650.580.345	(204.837.509.569)	268.902.903.308

Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Kỳ hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	174.880.371.197	Từ ngày 2 tháng 4 năm 2018 đến ngày 26 tháng 9 năm 2018	4,0 - 4,2	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 1262, Khu dân cư 8B, Khu Đô thị mới Nam Sông Cầu Thờ, Huyện Cái Răng, Thành phố Cần Thơ; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 35, Lô K4B, Ấp Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; phải thu khách hàng trị giá 135.000.000.000 VND và hàng tồn kho trị giá 135.000.000.000 VND.
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam	94.022.532.111	Từ ngày 2 tháng 4 năm 2018 đến ngày 29 tháng 9 năm 2018	4,05 - 4,3	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1263, Khu dân cư 8B, Khu Đô thị mới Nam Sông Cầu Thờ, Huyện Cái Răng, Thành phố Cần Thơ; hàng hóa trong kho trị giá 125.000.000.000 VND; các khoản phải thu khách hàng trị giá 125.000.000.000 VND.

268.902.903.308

Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu

B09-aDN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	246.799.000.000	30.551.150.000	(476.173.125)	101.010.534.807	480.093.397.150	857.977.908.832
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	96.179.065.607	96.179.065.607
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	246.799.000.000	30.551.150.000	(476.173.125)	101.010.534.807	576.272.462.757	954.156.974.439
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	246.799.000.000	30.551.150.000	(476.173.125)	101.010.534.807	657.891.058.241	1.035.775.569.923
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	99.829.608.878	99.829.608.878
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	246.799.000.000	30.551.150.000	(476.173.125)	101.010.534.807	757.720.667.119	1.135.605.178.801

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Chi tiết vốn cổ phần

	VND					
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018			Ngày 31 tháng 12 năm 2017		
	Vốn cổ phần đã góp	Cổ phiếu thường	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn cổ phần đã góp	Cổ phiếu thường	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG (*)	184.552.340.000	18.455.234	74,78	1.000.000	100	0,00
Mekong Dolphin Pte. Ltd.	32.273.000.000	3.227.300	13,08	32.273.000.000	3.227.300	13,08
Cổ đông khác	29.973.660.000	2.997.366	12,14	214.525.000.000	21.452.500	86,92
TỔNG CỘNG	246.799.000.000	24.679.900	100	246.799.000.000	24.679.900	100

(*) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG đã nhận chuyển nhượng cổ phiếu có quyền biểu quyết từ các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2018 ngày 8 tháng 1 năm 2018.

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Vốn cổ phần		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>246.799.000.000</u>	<u>246.799.000.000</u>
Cổ tức đã chia	-	-

17.4 Vốn cổ phần

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Cổ phiếu đã được duyệt	24.679.900	24.679.900
Cổ phiếu đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	24.679.900	24.679.900
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(40.100)	(40.100)
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	24.639.800	24.639.800

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết và không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
		VND
Doanh thu bán hàng	1.139.108.468.492	1.014.515.776.480
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	<u>(3.430.872.985)</u>	<u>(3.672.712.988)</u>
Doanh thu thuần	<u>1.135.677.595.507</u>	<u>1.010.843.063.492</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	1.055.513.520.672	964.485.094.039
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	80.164.074.835	46.357.969.453

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
		VND
Lãi tiền gửi	16.380.387.156	10.404.681.177
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện	<u>984.983.673</u>	<u>2.253.411.507</u>
TỔNG CỘNG	<u>17.365.370.829</u>	<u>12.658.092.684</u>

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
		VND
Lãi tiền vay	3.226.525.362	1.154.041.740
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	<u>1.500.647.976</u>	<u>615.583.110</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.727.173.338</u>	<u>1.769.624.850</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí bán hàng	35.788.318.030	27.999.023.767
Chi phí hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi, môi giới	15.844.123.157	12.556.921.140
Chi phí lương	10.010.420.800	8.105.714.400
Chi phí vận chuyển	4.665.307.157	4.339.319.648
Chi phí khác	5.268.466.916	2.997.068.579
Chi phí quản lý doanh nghiệp	51.645.384.732	46.782.835.902
Chi phí lương	28.041.365.314	26.328.344.973
Chi phí thuê	4.715.239.466	3.855.157.300
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.764.863.990	3.447.195.076
Chi phí khác	15.123.915.962	13.152.138.553
TỔNG CỘNG	87.433.702.762	74.781.859.669

21. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Thu nhập khác	48.928.585	698.127.213
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	481.818.182
Thu nhập khác	48.928.585	216.309.031
Chi phí khác	2.549.249	-
Thanh lý tài sản	2.549.249	-
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	46.379.336	698.127.213

22. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí mua hàng hóa	935.764.822.240	826.938.894.029
Chi phí lương	38.051.786.114	34.434.059.373
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.764.863.990	3.447.195.076
Chi phí khác	45.617.052.658	36.900.605.220
TỔNG CỘNG	1.023.198.525.002	901.720.753.698

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ phải chịu sự kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>25.334.038.454</u>	<u>24.529.839.234</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>125.163.647.332</u>	<u>120.708.904.841</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	25.032.729.466	24.141.780.968
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	<u>301.308.988</u>	<u>388.058.266</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>25.334.038.454</u>	<u>24.529.839.234</u>

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

23.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cùng với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	VND	
	<u>Bảng cân đối kế toán riêng</u>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	<u>186.447.000</u>	<u>186.447.000</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>186.447.000</u>	<u>186.447.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Bên liên quan	Mua hàng hóa	101.930.229.500	90.696.324.000
		Bán hàng hóa	39.478.731.185	33.230.168.640
Công ty Cổ phần APIS	Bên liên quan	Bán hàng hóa	21.729.700.000	2.190.866.122
		Mua hàng hóa	13.540.466.200	27.216.577.500
Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu	Công ty con	Bán hàng hóa	17.128.065.500	12.142.748.300
Công ty Cổ phần Sản xuất Hương liệu Éch Vàng	Công ty con	Bán hàng hóa	1.622.003.150	985.052.513
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu	Bên liên quan	Mua hàng hóa	1.152.596.000	-
		Bán hàng hóa	205.575.000	11.275.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần APIS	Bên liên quan	Bán hàng hóa	16.268.185.000	-
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Bên liên quan	Bán hàng hóa	7.922.181.484	5.779.602.754
Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu	Công ty con	Bán hàng hóa	3.630.377.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Hương liệu Éch Vàng	Công ty con	Bán hàng hóa	212.599.330	627.037.977
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu	Bên liên quan	Bán hàng hóa	179.562.500	-
			28.212.905.314	6.406.640.731

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

		VND		
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần APIS	Bên liên quan	Ứng tiền mua hàng hóa	5.981.250.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Bên liên quan	Mua hàng hóa	16.987.312.650	20.143.931.700
Công ty Cổ phần APIS	Bên liên quan	Mua hàng hóa	2.866.594.500	-
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu	Bên liên quan	Mua hàng hóa	69.000.000	-
			19.922.907.150	20.143.931.700

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Lương và lương mềm (*)	8.545.281.000	5.097.860.000

(*) Số liệu năm 2017 đã được trình bày lại cho mục đích so sánh.

25. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng và nhà kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Dưới 1 năm	4.329.129.180	6.257.179.495
Từ 1 đến 5 năm	1.239.877.760	4.693.246.200
TỔNG CỘNG	5.569.006.940	10.950.425.695

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

26. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Võ Thị Xuyên
Người lập



Nguyễn Thị Ánh Ngọc
Kế toán trưởng



Hứa Thế Duc
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

